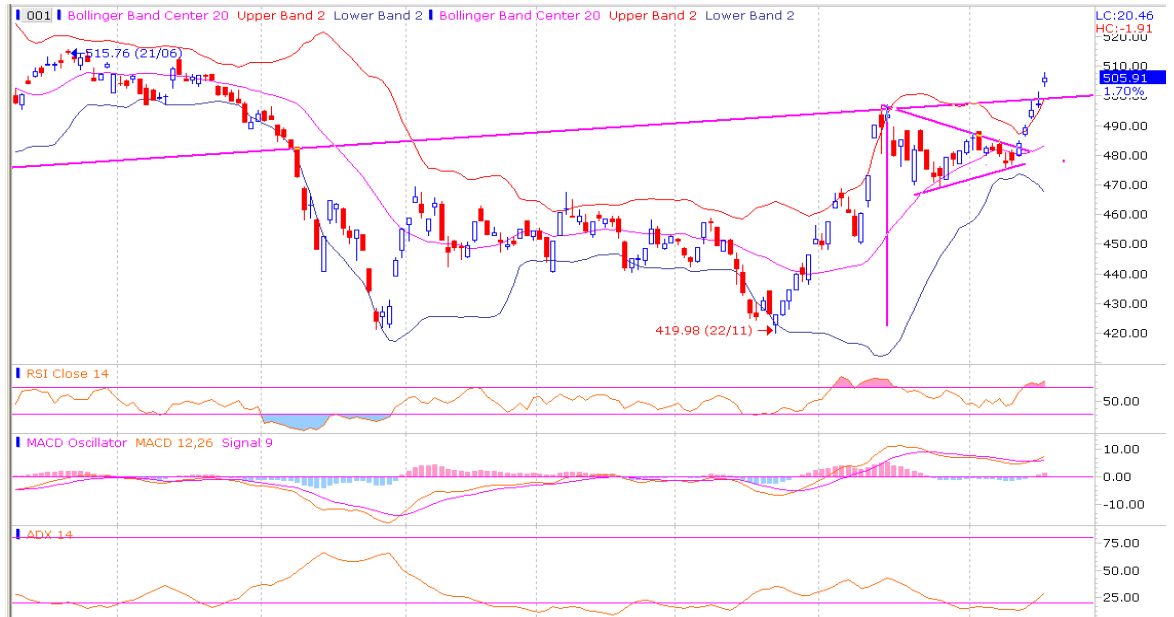


NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tăng điểm bất ngờ



Ngay từ phiên mở cửa, các mã có vốn hóa như BVH, MSN, HAG, PVF... đã tăng trần kéo theo Vnindex mở cửa ở mức 504.93 điểm với 1.4 triệu cổ phiếu được chuyển giao. Chỉ báo Vnindex vượt qua mốc 500 điểm với mức tăng ấn tượng đã kéo theo được một số nhà đầu tư trên một số mã nhỏ khác đẩy mức giá Vnindex có lúc lên đến 507.89 điểm. Tuy nhiên hiệu ứng từ sự giảm dần đều bên sàn Hnx đã kéo theo sự giảm giá của các mã nhỏ và các mã đầu cơ trên sàn Hose. Đóng cửa phiên hôm nay Vnindex đạt 505.91 điểm, tăng 8.48 điểm tương ứng với 1.7% so với phiên hôm qua. BVH, MSN, HAG, DPM và PVF đóng góp hơn 7 điểm tăng cho chỉ số Vnindex trong phiên hôm nay. Đã có 43 triệu đơn vị được chuyển giao trong phiên, trong đó có 5 triệu cổ phiếu được thực hiện bằng phương thức thỏa thuận. Kết thúc phiên có 103 mã tăng giá, 80 mã đứng giá và 91 mã giảm giá.

Khối ngoại hôm nay mua ròng 131 tỷ trên sàn HSX. Trong đó mua vào 7 triệu đơn vị, giá trị 254 tỷ đồng, bán ra 3.2 triệu đơn vị giá trị 123 tỷ đồng. Các mã được mua ròng nhiều nhất có DPM, HAG, PPC, ITA.

Thị trường đã có một phiên tăng điểm mạnh, vượt qua khu vực kháng cự cùng với sự tăng nhẹ của khối lượng. Mặc dù thị trường tăng điểm chủ yếu do một số mã lớn, còn phần lớn các cổ phiếu khác hôm nay vẫn đang điều chỉnh hoặc tăng nhẹ. Điều này cho thấy nhiều nhóm đánh lên đang lờ mờ, chưa sẵn sàng mua vào để đánh lên. Tuy nhiên, điều này sẽ giảm áp lực bán ra khi thị trường giảm điểm, đồng thời khi thị trường giảm điểm thì vẫn có nhiều người sẵn sàng mua vào khi chưa kịp mua vào thời gian qua. Chính vì vậy, xu hướng chung thị trường vẫn tốt như chúng tôi nhận định trong nhiều bản tin gần đây do một lực cầu dẫn dắt thị trường khá tốt và tin tức tốt về thành công tốt đẹp của Đại hội Đảng.

Thị trường có thể tăng thêm một vài phiên nữa rồi điều chỉnh. Xu hướng chung thị trường vẫn tốt, nhà đầu tư nên dần dần mua vào. Thị trường đang hướng đến khu vực 530-550 điểm trong Quý I/2011.

**Phạm Bình
GD Phân tích**

HNX:

**Kháng cự
mạnh tại 110
điểm**



Điểm số mạnh từ sàn Hose đã tạo ra sự hưng phấn trong những phút giao dịch đầu tiên, có lúc chỉ số Hnxindex đã tăng lên mức 108.54 điểm, tuy nhiên lực mua yếu trên hầu hết cả mã và khi nguồn cung bắt đầu gia tăng thì chỉ số Hnx đã giảm dần cho tới lúc đóng cửa. Kết thúc phiên, chỉ số Hnxindex giảm nhẹ ở mức 107.27, giảm 0.19 điểm tương ứng với 0.18% so với phiên hôm qua. Đã có 22.8 triệu cổ phiếu được chuyển giao trong đó có 600 nghìn cổ phiếu được thực hiện bằng phương thức thỏa thuận. Các cổ phiếu nhóm chứng khoán như BVS, KLS, VND... cũng như nhóm cổ phiếu đầu cơ VCG, SHN... đều giảm giá. Đóng cửa phiên có 96 mã tăng giá, 104 mã đứng giá và 173 mã giảm giá.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng 9 tỷ đồng trên sàn HNX. Trong đó mua vào 810 ngàn đơn vị trị giá 19 tỷ đồng và bán ra 440 ngàn đơn vị trị giá 10 tỷ đồng. Các mã được mua ròng nhiều nhất là KLS, PVX và VCG.

Ngược chiều với sàn Hose, sàn Hnx đã có một phiên giảm nhẹ về cả điểm số và thanh khoản. Lực mua yếu hầu hết trên các mã và lực bán gia tăng về nửa cuối của phiên giao dịch đã đẩy giá đóng cửa về mức thấp nhất. Phiên hôm nay vẫn là phiên điều chỉnh tiếp theo ngày hôm qua và chưa nói lên điều gì do biến động của HNX-Index phụ thuộc vào VN-Index và trong trường hợp VN-Index tiếp tục tăng điểm thì HNX-Index sẽ tăng điểm mạnh trở lại. Trong trường hợp xấu nếu VN-Index giảm điểm thì HNX-Index thường giảm mạnh hơn. Mức hỗ trợ ngắn hạn là 104-105 điểm. Mức hỗ trợ trong trung hạn là 96-98 điểm.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Trong 31 cổ phiếu thuộc nhóm PVN niêm yết, có 14 cổ phiếu giảm giá, 4 cổ phiếu đứng giá và 13 cổ phiếu tăng giá. Các cổ phiếu tăng nhiều nhất là DPM tăng 4,95%, PXS tăng 4,94% và PVF tăng 4,89%. Các cổ phiếu giảm giá mạnh nhất là PCG giảm 6,67% và PVV giảm 5,17%. Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 0,27 % và tổng khối lượng giao dịch đạt gần 7,7 triệu đơn vị. PVX, và DPM là các cổ phiếu có thanh khoản lớn nhất với trên 1,3 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 19/01:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng	18,600	138,100	↓ -0.53	1.40	8.00	HNX
2	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	9,800	7,600	↓ -6.67	0.89	31.25	HNX
3	PDC	CTCP Du lịch Dầu khí Phương Đông	9,500	44,900	↑ 2.15	1.22	99.37	HNX
4	PFL	CTCP Bất động sản Tài chính Dầu khí VN	12,300	107,300	↓ -1.60	0.54	N/A	HNX
5	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	24,800	260,000	↓ -0.40	1.63	1.98	HNX
6	PHH	CTCP Hồng hà Dầu khí	14,100	37,000	↓ -2.08	1.21	5.83	HNX
7	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	13,000	72,600	↓ -1.69	1.21	26.95	HNX
8	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	12,900	200,600	↓ -0.77	1.11	10.04	HNX
9	PV2	CTCP Đầu tư và Phát triển PVI	11,000	132,400	↑ 6.80	0.69	N/A	HNX
10	PVA	CTCP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	40,600	81,400	↓ -0.73	2.17	5.91	HNX
11	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	24,900	273,100	↑ 0.40	1.92	6.35	HNX
12	PVE	CTCP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	14,700	105,300	↑ 0.68	1.30	6.20	HNX
13	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	12,900	26,100	↓ -0.77	0.58	9.69	HNX
14	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	17,700	68,000	↓ -1.67	1.64	7.82	HNX
15	PVL	CTCP Bất động sản Điện lực Dầu khí VN	13,600	263,700	↓ -0.73	1.21	N/A	HNX
16	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	11,000	56,900	↑ 2.80	0.62	20.69	HNX
17	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	20,400	551,800	↑ 0.49	1.68	5.34	HNX
18	PVV	CTCP Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	16,500	114,600	↓ -5.17	1.35	6.41	HNX
19	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	20,900	1,348,800	→ 0.00	1.39	6.74	HNX
20	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	40,300	1,398,630	↑ 4.95	2.72	9.31	HSX
21	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	16,800	178,700	↑ 1.20	1.00	6.85	HSX
22	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	39,800	113,310	↓ -3.86	3.56	5.88	HSX
23	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	11,500	105,350	→ 0.00	0.48	12.72	HSX
24	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	55,500	756,950	↑ 3.74	4.20	15.89	HSX
25	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	27,900	263,870	↑ 4.89	2.60	56.86	HSX
26	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	10,400	272,420	→ 0.00	0.88	40.86	HSX
27	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	14,400	66,720	↓ -0.69	1.38	6.51	HSX
28	PXL	CTCP ĐT khu công nghiệp dầu khí – Idico Long Sơn	9,500	229,720	→ 0.00	0.86	N/A	HSX
29	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	12,500	10,380	↑ 0.81	1.06	9.68	HSX
30	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	17,000	373,540	↑ 4.94	1.60	7.30	HSX
31	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	10,000	39,980	↑ 2.04	0.85	12.60	HSX
32	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	10,000	10,000	↓ -8.26	0.89	22.41	UPCOM
33	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	5,100	4,600	→ 0.00	0.52	N/A	UPCOM
34	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	10,000	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM
35	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	8,200	52,730	↑ 2.50	0.74	N/A	UPCOM
36	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	6,700	8,800	↓ -1.47	0.67	N/A	UPCOM
37	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	5,700	500	↓ -9.52	0.57	N/A	UPCOM
38	PX1	CTCP Xi măng Dầu khí 12/9	15,500	-	→ 0.00	N/A	N/A	UPCOM

* Giá trị sổ sách và EPS tính trên báo cáo hợp nhất quý gần nhất hoặc năm gần nhất

TIN KINH TẾ

Nguồn: Thomson Reuters,
Google Finance;
CNNMoney, CNBC



Báo cáo tại diễn đàn kinh tế thế giới, từ nay đến năm 2020, kinh tế toàn cầu cần hơn 100 ngàn tỷ USD tín dụng, trong đó của khu vực châu Á là ở vào khoảng 40 ngàn tỷ USD, EU khoảng 13 ngàn tỷ USD và Mỹ khoảng 3.8 ngàn tỷ USD. Nhu cầu tín dụng của các quốc gia sẽ tăng gấp đôi so với nhu cầu hiện nay mới có thể đạt được tốc độ tăng trưởng như dự báo. Tuy nhiên điều này có thể mâu thuẫn với chiến lược kiềm chế lạm phát của các nước đang phát triển như Trung Quốc và Ấn Độ

Châu Âu: lạm phát tháng 12/2010 của Anh tăng cao hơn dự kiến. Trong tháng 12, lạm phát Anh đạt 3.7%, cao hơn mức 3.3% của tháng 11 và vượt dự báo 3.4% của các nhà kinh tế, là mức tăng hàng tháng mạnh nhất kể từ trước đến nay. Chỉ số này cũng vượt mức trần 2% của Ngân hàng Trung ương Anh (BOE)

Theo Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế châu Âu (ZEW), chỉ số niềm tin kinh tế Đức tăng trưởng mạnh mẽ, từ 4.3% tháng 12/2010 lên 15.4% trong tháng 01/2011, gần gấp đôi dự báo 8%. Ngoài ra, các chỉ số điều kiện hiện tại cũng tăng từ 82.6 điểm lên 82.8 điểm. Các kết quả trên cho kinh tế Đức được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng mạnh trong năm nay. Thông tin tích cực về kinh tế Đức đã hỗ trợ đồng EUR tăng giá lên mức cao trong 1 tháng, một euro đổi 1,34 đôla Mỹ.

Sau khi thành công chào bán 3 tỷ EUR trái phiếu trung hạn 5 năm ra thị trường, Tây Ban Nha tiếp tục chào bán 7.34 tỷ USD tín phiếu kho bạc ngắn hạn kỳ hạn 12 và 18 tháng với lợi suất thấp hơn các cuộc đấu giá trong tháng 12/2010. Đây cũng là lần đầu tiên nước này chào bán trái phiếu ngắn hạn ra thị trường.

Châu Á: Bộ Thương mại Trung Quốc (MOC) vừa công bố FDI của nước này năm 2010, theo đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chạm mức cao kỷ lục 105.74 tỷ USD trong năm 2010, tăng 17.4% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, FDI vào lĩnh vực dịch vụ tăng 28.6%, FDI đổ vào miền Trung và Tây Trung Quốc tăng vọt 27.6%

Ngân hàng Phát triển Trung Quốc (CDB) và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc (EximBank) đã cho các Chính phủ và doanh nghiệp tại các nước đang phát triển vay trung bình 110 tỷ USD trong hai năm 2009 và 2010, vượt cả mức tín dụng cho vay 100 tỷ của World Bank.

THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Nguồn: Reuters, Google
Finance; CNNMoney,
CNBC



Giá vàng tăng lên cùng
euro, giá dầu tiếp tục ổn
định trên mốc
90USD/thùng

Giá vàng tiếp tục tăng: đồng euro tăng giá, dollar index giảm mạnh xuống mức thấp 2 tháng khiến cho giá vàng tăng. Đồng thời nhu cầu mua bán vàng ở khu vực Châu Á tiếp tục là lực đỡ niềm tin thị trường, Giá vàng giao ngay trên sàn NYMEX vào lúc 16h00 GMT+7 ở mức 1374,16 USD/ounce, tăng 0.7%, giá vàng kỳ hạn cũng tăng 0.71% lên 1374.2 USD/ounce

Giá dầu không nhiều biến động: dầu thô ngọt nhẹ US tăng khi công suất khai thác dầu đường ống Alaska tiếp tục bỏ ngõ. Trong khi đó, đà tăng của dầu brent tiếp tục được hỗ trợ bởi nỗi lo đình trệ nguồn cung dầu từ Biển Bắc. Giá dầu thô ngọt nhẹ US giao tháng 2 vào lúc 16h00 GMT+7 giao dịch ở mức 91.7 USD/thùng (tăng 0.35%), dầu brent tăng 37 cents lên 97.48 USD/thùng

Giá vàng trong nước: giá vàng hôm nay tiếp tục các dấu hiệu hồi phục. Sáng nay giá vàng trung bình tại các cửa hàng vàng giao dịch ở mức 35,64-35,70 triệu đồng, tăng 70.000 - 90.000 đồng so với sáng qua. Tỷ giá đôla trên thị trường tự do tiếp tục tăng, mua vào 21.098 đồng, trong khi bán ra là 21.020 đồng mỗi USD.

Giá đồng giao kỳ hạn tăng : do lo ngại cung không đủ cầu, giá đồng tiếp tục tăng mạnh. Giá đồng đã tăng 32 % trong vòng 12 tháng qua, đạt mức giá kỷ lục 4,498 USD/ pound do nhu cầu cao của thị trường làm giảm dự trữ toàn cầu. Giá Niken cũng tăng lên mức cao nhất 8 tháng khi có những dấu hiệu nhu cầu sử dụng niken của Trung Quốc, nước sử dụng kim loại nhiều nhất thế giới, đang tăng lên.

Xuất khẩu gạo Việt nam có thể giảm: theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), thương mại gạo toàn cầu trong năm 2011 ở mức khoảng 30,3 triệu tấn, tăng 1% so với năm trước. Diện tích trồng lúa gạo trong nước năm nay dự kiến đạt 7.548 nghìn ha với sản lượng có thể lên đến 39,75 triệu tấn. Theo tình hình cung cầu thế giới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn dự báo khối lượng gạo xuất khẩu năm 2011 cả nước ước đạt mức 5,5-6,1 triệu tấn giảm 10-15% so với năm

LỊCH SỰ KIẾN TRONG TUẦN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Xây dựng Trường Thịnh (lần 2)	34.70	924,709	16,000	24/01/2011	
CTCP Thiết bị phụ tùng Đà Nẵng	41.00	1,931,760	26,000	30/12/2010	Từ 12/09/2010 đến 12/23/2010
Công ty Vật liệu Xây dựng và Lâm sản	63.00	2,030,200	10,500	27/12/2010	
CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	112.00	5,277,300	10,500	24/12/2010	Từ 06/12/2010
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP.Hồ Chí Minh	0.00	3,000,000	110	22/12/2010	Từ 06/12/2010

Danh sách các công ty đã nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật	HSX	242	14/01/2011
CTCP Dược Trung ương Mediplantex	HNX	50.241	05/01/2011
Công ty Cổ phần Thủy sản Bình An	HSX	500	05/01/2011
CTCP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	HSX	80	04/01/2011
CTCP Chế tạo máy - Vinacomin	HNX	40.85	31/12/2010
CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông	HSX	87	30/12/2010
TCP Supe Phot Phat và Hóa chất Lâm Thao	HSX	432.4	30/12/2010
CTCP Mía đường Sơn La	HNX	50	29/12/2010
CTCP Du lịch Dịch vụ Hội An	HSX	80	27/12/2010
CTCP Vinacaphé Biên Hòa	HSX	265.791	24/12/2010
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	22/12/2010
CTCP Cơ điện Thủ Đức	HSX	80.73	17/12/2010
CTCP Gạch ngói gốm xây dựng Mỹ Xuân	HNX	53.20694	16/12/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện	HNX	450	17/01/2011
CTCP Viễn thông điện tử Vinacap	HNX	134.97	17/01/2011
CTCP Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm	HNX	35	14/01/2011
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa	HSX	265.79	13/01/2011
CTCP Bê tông Ly tâm Điện lực Khánh Hòa	UPCOM	15	12/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	HSX	38	07/01/2011
CTCP Địa ốc 11	HNX	26	06/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	HSX	176.998	04/01/2011
CTCP Thép Nam Kim	HSX	230	04/01/2011
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	HSX	250	30/12/2010

CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO	HNX	15.61244	30/12/2010
CTCP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	HNX	350	30/12/2010

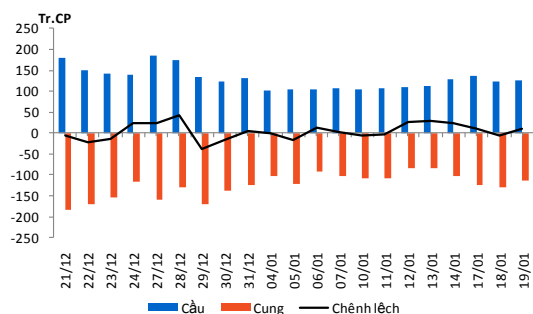
Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Môi trường Đô thị Hà Đông	MTH	UPCOM	14.78		10/02/2011
CTCP Ác Quy Tia Sáng	TSB	HNX	33.73		19/01/2011
CTCP Nhựa Sam Phú	NSP	UPCOM	50.00		19/01/2011
CTCP Thiết kế - Xây dựng – Thương mại Phúc Thịnh	PTD	UPCOM			14/01/2011
Công ty Cổ phần Thép Nam Kim	NKG	HSX			14/01/2011
Công ty Cổ phần miền Đông	MDk	HSX	99.00		12/01/2011
CTCP Than Vàng Danh - TKV		HNX	152.81		11/01/2011
CTCP Vận tải Biển Bắc	NOS	UPCOM	144.56		11/01/2011
CTCP Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng TMC	BHT	HNX	25.65		11/01/2011
Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	CLW	HSX			11/01/2011
Công ty cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long		HSX	80.00		10/01/2011
Xây dựng Đường bộ 26	D26	UPCOM	10.00		10/01/2011
CTCP Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam		HNX	150.00		07/01/2011
CTCP vận tải biển Hải Âu	SSG	HNX	50.00		05/01/2011

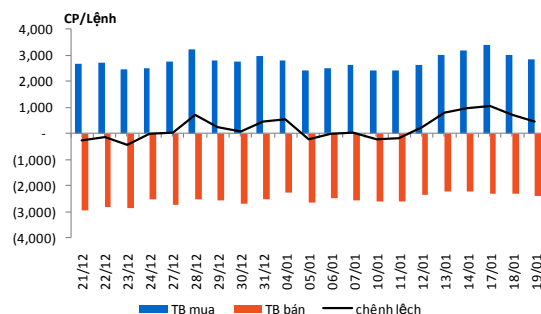
Nguồn: HSX, HSX

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

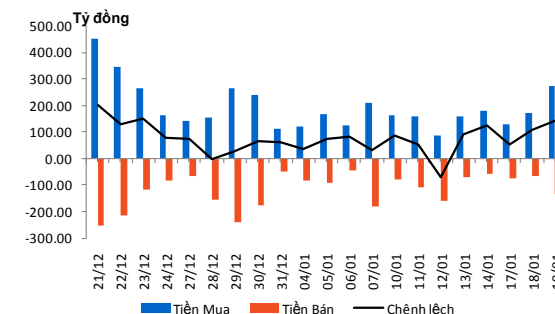
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

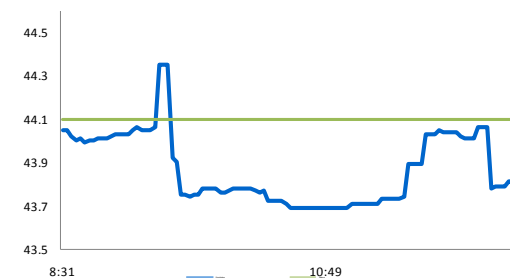
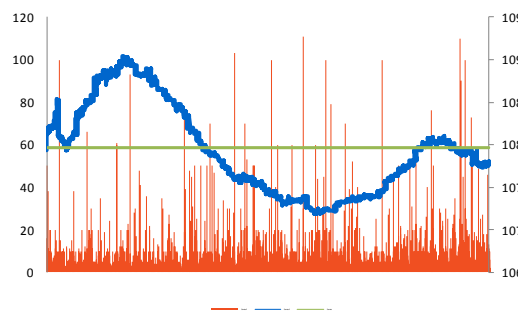
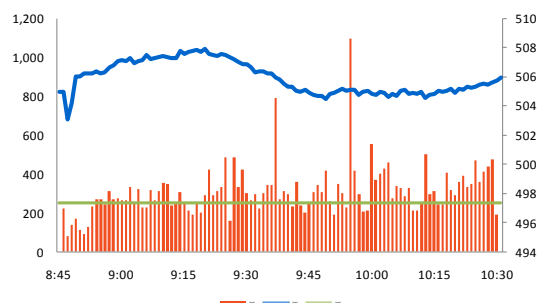
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	505.91 ↑	8.48	1.70%
KLGD (triệu ck)	42.89 ↑	2.09	5.11%
GTGD (tỷ đồng)	1,146.69 ↑	72.51	6.75%
Tổng cung (triệu ck)	73.50 ↓	-2.55	-3.35%
Tổng cầu (triệu ck)	79.86 ↑	1.97	2.53%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	7.23 ↑	2.72	60.35%
KL bán (triệu ck)	3.24 ↑	1.56	92.71%
Giá trị mua (tỷ đồng)	255.14 ↑	96.71	61.04%
Giá trị bán (tỷ đồng)	123.77 ↑	61.89	100.01%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	107.27 ↓	-0.19	-0.18%
KLGD (triệu ck)	22.87 ↓	-6.32	-21.65%
GTGD (tỷ đồng)	434.40 ↓	-122.59	-22.01%
Tổng cung (triệu ck)	40.53 ↓	-12.27	-23.24%
Tổng cầu (triệu ck)	45.23 ↓	-0.47	-1.03%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.81 ↑	0.27	50.77%
KL bán (triệu ck)	0.44 ↑	0.16	59.85%
Giá trị mua (tỷ đồng)	19.08 ↑	3.92	25.89%
Giá trị bán (tỷ đồng)	9.79 ↑	4.49	84.68%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	43.80 ↓	-0.25	-0.57%
KLGD (triệu ck)	0.15 ↓	-0.13	-47.22%
GTGD (tỷ đồng)	1.92 ↓	-1.20	-38.41%
Tổng cung (triệu ck)	0.62 ↓	-0.03	-3.96%
Tổng cầu (triệu ck)	0.45 ↓	-0.10	-18.40%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.00 ↓	-0.01	-100.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.00 ↓	-0.11	-100.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HAG	53,000	55,500	4.72	89,491
SSI	29,900	29,900	0.00	64,506
DPM	38,400	40,300	4.95	55,762
VPL	52,000	49,400	-5.00	47,489
PVD	53,500	55,500	3.74	41,349

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
BVH	90,000	94,500	4,500	5.00
PAC	50,000	52,500	2,500	5.00
COM	36,000	37,800	1,800	5.00
MSN	80,500	84,500	4,000	4.97
DPM	38,400	40,300	1,900	4.95

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VPL	52,000	49,400	-2,600	-5.00
DVD	38,200	36,300	-1,900	-4.97
UDC	16,400	15,600	-800	-4.88
LGC	28,900	27,500	-1,400	-4.84
NVN	29,000	27,600	-1,400	-4.83

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	27,449	VPL	44,720
SJS	21,668	VIC	5,832
DPM	20,837	IJC	5,800
PVD	18,735	FPT	5,306
KBC	17,980	PVD	5,261

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
KLS	15,300	15,100	-1.31	38,581
VND	21,500	20,800	-3.26	31,633
PVX	20,900	20,900	0.00	28,151
SHN	21,500	21,200	-1.40	21,619
HBB	11,700	11,500	-1.71	19,284

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
DLR	30,100	32,200	2,100	6.98
KBT	24,400	26,100	1,700	6.97
CVN	17,400	18,600	1,200	6.90
VSP	24,800	26,500	1,700	6.85
S74	19,100	20,400	1,300	6.81

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CMC	20,200	18,800	-1,400	-6.93
WCS	46,300	43,100	-3,200	-6.91
VHL	55,000	51,200	-3,800	-6.91
MKV	23,600	22,000	-1,600	-6.78
BSC	16,400	15,300	-1,100	-6.71

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVS	5,442	PVS	6,360
NTP	4,450	NTP	1,885
KLS	3,916	VND	414
PVX	1,973	VCG	232
VCG	1,051	PVE	219

UPCOM

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HPL	19,000	19,000	0.00	489
PSB	8,000	8,200	2.50	423
SGS	90,100	90,100	0.00	418
NT2	10,900	10,000	-8.26	104
GTH	9,000	9,200	2.22	81

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SSF	8,100	9,500	1,400	17.28
IMT	9,100	10,000	900	9.89
IN4	8,100	8,900	800	9.88
VCT	11,200	12,300	1,100	9.82
DNS	8,600	9,400	800	9.30

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
PTD	17,600	11,100	-6,500	-36.93
NOS	15,700	10,000	-5,700	-36.31
HU1	17,400	15,700	-1,700	-9.77
ITD	15,500	14,000	-1,500	-9.68
PTT	6,300	5,700	-600	-9.52

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
	0	PPP	1

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888



PSI CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1, 18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4)39343888; Fax: (84-4)39343999

Chi nhánh Nam Định

Tầng 1, lô 13+21 Đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, Nam Định – ĐT: (84-350) 3677989; Fax: (84-350) 3677979

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 1, số 38A đại lộ Lê Lợi, Thanh Hoá

Chi nhánh Nghệ An

Số 19, Quang Trung, Tp. Vinh, Nghệ An

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339